

## LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

### QUYỂN 56

#### Chương 3: **KIÊN-ĐỘ TRÍ**

##### Phẩm 3: **TU TRÍ, Phần 2**

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao A-la-hán khởi khổ trí, tập trí hiện ở trước?

Đáp: Vì muốn quán năm ấm này cũng như pháp lỗi lầm của gánh nặng.

Tôn giả Cù-sa nói rằng: Sinh cõi Vô sắc, không thể khởi thiền và công đức trong thiền hiện ở trước. Sinh trong cõi Sắc thì có thể nói như thế. Vậy là nghĩa gì? Đáp: Đây là nói pháp trí của diệt, đạo. Người sinh cõi Sắc có thể khởi trí này, dứt trừ kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc. Nếu phiền não đã dứt thì không còn khởi trí ấy.

**Lời bình:** Không nên nói rằng: Sinh cõi Sắc, khởi pháp trí hiện ở trước. Vì sao? Vì trí này chẳng phải pháp đối trị cõi Sắc kia.

Lại nữa, đây là tướng hư hoại bất định: Hoặc có người khởi phần ít, đó là pháp trí của diệt, đạo. Hoặc có người không khởi phần ít, đó là pháp trí của khổ, tập. Hoặc có người khởi, hoặc có người không khởi, người chưa lìa dục khởi, người đã lìa dục không khởi. Hoặc có lúc khởi, có lúc không khởi. Lúc thì đạo lìa dục khởi, lúc thì căn thiện khác không khởi.

Vì những việc này, nên như thuyết trước nói là tốt.

Hỏi: Các kiết lệ thuộc cõi Dục, kiết đó do pháp trí đoạn phải chăng?

Đáp: Hoặc kiết là lệ thuộc cõi Dục thì kiết đó chẳng phải do pháp trí dứt trừ, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Hỏi: Kiết thế nào là lệ thuộc cõi Dục, kiết đó chẳng phải do pháp trí dứt?

Đáp: Các kiết do nhãn dứt, cũng do trí khác dứt, cũng không dứt.

Nhẫn là bốn pháp nhẫn. Trí khác là đẳng trí. Không dứt: Nếu đã dứt, hoặc không ra phương tiện dứt.

Hỏi: Kiết thế nào là do pháp trí dứt, kiết ấy chẳng phải lệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Các kiết lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc. Pháp trí dứt pháp trí, đó là pháp trí của diệt, đạo, người đã lìa kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Thế nào là kiết lệ thuộc cõi Dục, kiết ấy do pháp trí dứt?

Đáp: Các kiết lệ thuộc cõi Dục, pháp trí dứt pháp trí, đó là bốn pháp trí.

Lìa kiết cõi Dục: Thế nào là kiết chẳng phải lệ thuộc cõi Dục, kiết đó chẳng phải do pháp trí dứt.

Đáp: Các kiết lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Nhẫn kia dứt nếu trí khác dứt, cũng không dứt nhẫn: nghĩa là bốn tỳ nhẫn. Trí khác dứt: Hoặc đẳng trí dứt, hoặc tỳ trí dứt. Không dứt: Nếu đã dứt, hoặc không tạo ra phương tiện dứt.

Hỏi: Các kiết lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết ấy do tỳ trí dứt chẳng?

Đáp: Các kiết do tỳ trí dứt, kiết đó lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Có kiết lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, kiết ấy chẳng phải do tỳ trí dứt chẳng?

Đáp: Các kiết do nhẫn dứt, cũng do trí khác dứt.

Nhẫn cũng không dứt: Là bốn tỳ nhẫn. Trí khác là pháp trí, đẳng trí. Không dứt: Nếu đã dứt, hoặc không tạo phương tiện dứt.

Các kiết do thấy khổ mà dứt, kiết ấy do khổ trí dứt chẳng?

Đáp: Hoặc có kiết do thấy khổ mà dứt, kiết ấy chẳng phải do khổ trí dứt, các kiết ấy do nhẫn dứt. Vì sao? Vì nhẫn kia là đối trị của kiết này.

Hoặc có kiết do khổ trí dứt, kiết đó chẳng phải do thấy khổ mà dứt, các kiết ấy đều do tu đạo dứt, kiết ấy do khổ trí dứt. Vì sao? Vì khổ trí là do tu đạo dứt, là đối trị của kiết. Như kiết, chỗ dứt của kiến khổ, cho đến kiết, chỗ dứt của kiến đạo, cũng nói giống như thế.

Hỏi: Vì đạo vô ngại dứt phiền não hay vì giải thoát dứt? Nếu đạo vô ngại dứt phiền não, thì ở Kiên-độ Sử đã nói làm sao hiểu? Như nói: Kiết có chín thứ, là chỗ dứt của khổ pháp trí, cho đến do tu đạo dứt. Nếu đạo giải thoát dứt phiền não, thì với cách nói của văn này làm sao hiểu được? Như nói: Hoặc kiết là do thấy khổ mà dứt, kiết đó chẳng phải do trí dứt, hoặc kiết là do khổ trí dứt, kiết ấy chẳng phải được dứt do kiến khổ?

Đáp: Nên nói rằng: Đạo vô ngại dứt phiền não chứ chẳng phải đạo giải thoát dứt, nói rộng như trong Kiên-độ Sử.

Các kiết do pháp trí dứt, pháp diệt trí tác chứng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có người nói: Đạo vô ngại dứt trừ kiết, được đạo giải thoát, chứng đắc giải thoát, đó là thuyết của Pháp sư nước ngoài nói.

Vì ngăn dứt ý của những người nói như thế, cũng nói: Đạo vô ngại dứt trừ kiết, được chứng đắc giải thoát. Nếu gặp lúc đạo vô ngại dứt trừ kiết, được đạo giải thoát, chứng đắc giải thoát thì trái với văn này. Như nói: Các kiết đều do pháp trí dứt, tử trí diệt, tạo ra sự chứng đắc.

Cũng nên đáp rằng: Nếu dùng pháp trí của diệt, đạo để dứt trừ kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ, thì diệt của tử trí tạo ra tác chứng mà không đáp như thế. Nên biết đạo vô ngại dứt trừ kiết được, cũng chứng đắc giải thoát.

Hỏi: Các kiết được pháp trí dứt, kiết đó, pháp diệt trí tác chứng chẳng?

Đáp: Các kiết do pháp trí dứt, kiết đó do pháp diệt trí, tác chứng, tùy ngần ấy kiết đã dứt, tác chứng diệt ngần ấy.

Hỏi: Có khi nào kiết do pháp trí diệt tác chứng, kiết đó chẳng phải do pháp trí dứt chẳng?

Đáp: Có. Các kiết do nhân dứt, cũng do trí khác dứt: Tu-đà-hoàn đã dùng đạo thế tục để hướng về quả Tư-đà-hàm, dứt một thứ kiết, cho đến năm thứ. Nếu đạo vô ngại thứ sáu là pháp trí, thì đó là thời gian chứng đắc kiến đạo ba cõi.

Kiết do nhân dứt, cùng năm thứ kiết, chỗ dứt của đẳng trí, thuộc tu đạo cõi Dục. Tư-đà-hàm hướng về quả A-na-hàm, dùng đạo thế tục để dứt hai thứ kiết. Nếu đạo vô ngại thứ chín là pháp trí, thì chính là thời gian chứng đắc kiến đạo ba cõi. Kiết do nhân dứt cùng tám thứ kiết, chỗ dứt của đẳng trí thuộc tu đạo cõi Dục. Lià dục Sơ thiên, cho đến lià dục của Vô sở hữu xứ. Nếu dùng tử trí, đẳng trí lià dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, dùng tử trí dứt tám thứ kiết, đạo vô ngại thứ chín là pháp trí, bấy giờ đã chứng đắc kiến đạo ba cõi. Kiết chỗ dứt của nhân và kiết, chỗ dứt của đẳng trí thuộc tu đạo cõi Dục. Kiết chỗ dứt của đẳng trí, tử trí trong bảy địa. Tám thứ kiết, chỗ dứt của tử trí thuộc Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Các kiết như thế v.v... là diệt, tác chứng của pháp trí.

Hỏi: Các kiết do tử trí dứt, kiết đó có là diệt, tác chứng của tử trí hay không?

Đáp: Các kiết do tử trí dứt, diệt tác chứng của tử trí, tùy dứt trừ kiết ngần ấy mà có diệt tác chứng ngần ấy.

Hỏi: Có khi nào kiết, do diệt, tác chứng của tử trí, kiết ấy chẳng phải do tử trí dứt chăng?

Đáp: Có. Các kiết do nhãn dứt, cũng do trí khác dứt, là diệt tác chứng của tử trí, hoặc do pháp trí, hoặc do đẳng trí, lià dục cõi Dục, cho đến lià dục của Vô sở hữu xứ. Nếu do pháp trí dứt một thứ kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ, cho đến tám thứ. Nếu vô ngại thứ chín là tử trí, thì đó là thời gian chứng đắc kiến đạo ba cõi, kiết là chỗ dứt của nhãn. Và kiết, chỗ dứt của đẳng trí, pháp trí thuộc tám địa, tám thứ kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ, chỗ dứt của pháp trí.

Hỏi: Các kiết do khổ trí dứt, kiết ấy có là diệt tác chứng của khổ trí phải chăng?

Đáp: Các kiết do khổ trí dứt, kiết ấy là diệt tác chứng của khổ trí, tùy dứt trừ kiết ngần ấy mà có diệt tác chứng ngần ấy.

Hỏi: Có khi nào kiết do diệt tác chứng của khổ trí, kiết ấy chẳng phải khổ trí dứt hay chăng?

Đáp: Có. Các kiết do nhãn diệt, cũng do trí khác diệt. Khổ trí diệt tác chứng Tu-đà-hoàn tiến đến quả Tư-đà-hàm, dùng đẳng trí, tập, diệt, đạo trí dứt một thứ kiết, cho đến năm thứ. Nếu đạo vô ngại thứ sáu là khổ trí, là thời gian chứng đắc kiến đạo của ba cõi. Kiết, chỗ dứt của nhãn và năm thứ kiết, chỗ dứt của đẳng trí, tập, diệt, đạo trí thuộc tu đạo cõi Dục. Lúc Tư-đà-hàm hưởng về quả A-na-hàm, dùng tập, diệt, đạo, trí, đẳng trí, dứt hai thứ kiết.

Nếu vô ngại thứ chín là khổ trí, đó là lúc chứng đắc kiến đạo của ba cõi. Kiết, chỗ dứt của nhãn, kiết chỗ dứt của đẳng trí, tập, diệt, đạo trí thuộc tu đạo cõi Dục. Dùng tập, diệt, đạo trí, đẳng trí lià dục của Sơ thiên, cho đến lià dục của Vô sở hữu xứ. Dùng tập, diệt, đạo trí, dứt trừ một thứ kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ, cho đến tám thứ.

Nếu đạo vô ngại thứ chín là khổ trí, đó là lúc chứng đắc kiến đạo ba cõi. Kiết, là chỗ dứt của nhãn, kiết, chỗ dứt của đẳng trí, tập, diệt, đạo trí, tu đạo thuộc tám địa. Tám thứ kiết, chỗ dứt của tập, diệt, đạo trí, của tu đạo Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Như khổ trí, cho đến đạo trí, cũng nói như thế:

Hỏi: Môn trước đã nói so với thuyết của môn này nói có gì khác nhau không?

Đáp: Nếu nói rằng: Đạo vô ngại dứt trừ kiết, đạo giải thoát được tác chứng, thì môn trước là chỗ tạo tác của đạo vô ngại, còn môn này là

chỗ tạo tác của đạo giải thoát.

Nếu nói rằng: Đạo vô ngại dứt kiết được, thì cũng chứng giải thoát đắc.

Đạo giải thoát chỉ chứng giải thoát đắc, nghĩa là môn trước là nói đạo vô ngại dứt trừ kiết, được chứng giải thoát đắc, còn môn này nói đạo giải thoát, chứng giải thoát đắc. Như dứt trừ kiết được thì chứng giải thoát đắc, lìa lỗi lầm thì tập công đức, bỏ cái không có lợi thì được việc có lợi, xóa bỏ sự thấp kém thì được cao đẹp hơn, lìa xa ái nhiễm thì được vui vắng lặng, cũng giống như thế.

Lại nữa, dứt là môn trước, được vô vi là môn này.

Lại nữa, dứt trừ kiết và tác chứng là môn trước, trước dứt trừ kiết, sau tác chứng là môn này. Đó là sự khác nhau giữa môn trước và môn này.

Nhân căn có bao nhiêu trí biết? Cho đến sử vô minh, do tu đạo dứt cõi Vô sắc, có bao nhiêu trí biết?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có người nói: Không có cảnh giới, chỉ có trí. Hoặc nói: Không có trí, chỉ có cảnh giới.

Để ngăn dứt ý của người nói như cho nên soạn luận này.

Các pháp nếu hỏi về sự gồm nhiếp thì nên nghĩ rằng về giới mà đáp. Nếu hỏi về thức thì nên nghĩ rằng về nhập mà đáp. Nếu hỏi về sử thì phải nghĩ rằng về chủng mà đáp. Nếu hỏi về trí thì nên nghĩ rằng về đế mà đáp.

Có như vậy, các pháp mới có thể dễ biểu hiện rõ ràng.

Ở đây, hỏi về trí nên tư duy về đế mà đáp. Pháp có năm thứ: Thuộc về khổ, tập, diệt, đạo đế, thuộc về. Khổ đế, tập đế cõi Dục gồm nhiếp pháp tương ứng không tương ứng. Khổ đế, tập đế cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng vậy.

Diệt đế chỉ gồm nhiếp pháp bất tương ứng, đạo đế gồm nhiếp pháp tương ứng, bất tương ứng. Pháp thuộc về phi đế gồm nhiếp pháp bất tương ứng. Pháp tương ứng thuộc về khổ đế, tập đế cõi Dục bảy trí biết, trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí. Pháp bất tương ứng có sáu trí biết, trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí. Pháp tương ứng thuộc về khổ đế, tập đế cõi Sắc, bảy trí biết, trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí. Pháp bất tương ứng, có sáu trí biết, trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí.

Pháp tương ứng, bất tương ứng thuộc về khổ đế, tập đế cõi Vô sắc, sáu trí biết, trừ pháp trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí. Pháp thuộc về diệt đế, sáu trí biết, trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí.

Pháp tương ứng thuộc về đạo đế, bảy trí biết, trừ khổ trí, tập trí, diệt trí. Pháp bất tương ứng, sáu trí biết, trừ khổ trí, tập trí, diệt trí, tha tâm trí.

Pháp thuộc về phi đế, một trí biết, đó là đẳng trí.

Hỏi: Vì sao gọi là trí?

Đáp: Vì là đối tượng nhận thức của trí, nên gọi là Trí.

Hỏi: Vì sao gọi là đối tượng nhận thức?

Đáp: Vì là đối tượng được trí biết nên gọi là đối tượng nhận thức. Như xưng gọi, đối tượng xưng gọi, lường xét, đối tượng lường xét cũng giống như thế. Sự lường xét là trí, đối tượng lường xét là đối tượng nhận thức. Đó là sơ lược về Tỳ-bà-sa. Môn khác nói rộng như kinh này. Như nói: Tu hành rộng khắp tướng vô thường, dứt trừ ái côi Dục, ái, trạo, mạn, vô minh côi Sắc, côi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói: Tu hành rộng khắp tướng vô thường, cho đến nói rộng...

Mặc dù kinh Phật đã nói như thế, nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là căn bản để soạn luận. Nay vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu nói kinh Phật là căn bản để soạn luận, thì vì sao Đức Như lai lại nói kinh ấy?

Đáp: Vì Đức Thế tôn muốn cho những người lười biếng, kiêu mạn, không siêng năng tinh tiến, khi thọ sự giáo hóa sẽ siêng năng tinh tiến.

Lại nữa, vì đệ tử số sự tham hậu hữu, để khiến họ không còn mong cầu hậu hữu nữa, nên Đức Thế tôn nói: Vào thời Phật Di-lặc xuất thế, sẽ có các Tỳ-kheo phát nguyện: Mong sao cho con được thấy Phật Di-lặc ra đời cho đến nhập Niết-bàn. Phật nói: Nay các thầy đã có của cải, sản nghiệp được vừa ý, nên có nghĩ rằng: Về sau, nếu bị khổ các hữu ép ngặt, đối với các hữu, con sẽ không ưa thích mà lo tu hành rộng khắp tướng vô thường để có thể dứt hết ái dục.

Tướng này, phải nói là tương ứng với pháp trí, khổ trí, phải nói là có giác, có quán. Vì sao? Vì ở địa có giác, có quán. Phải nói là tương ứng với xả căn, vì địa kia có xả căn. Phải nói là tương ứng với vô nguyện, vì đó là khổ vô nguyện.

Phải nói là duyên lệ thuộc côi Dục, vì duyên với năm ấm côi Dục, nên dứt tất cả ái sắc. Tướng của người kia nên nói là tương ứng với tỷ trí, khổ trí.

Hoặc có giác, có quán, là người ở Vị chí, Sơ thiên. Hoặc không

giác, có quán là người ở thiền trung gian. Hoặc không giác, không quán là người ở Tam thiền. Hoặc tương ứng với lạc căn, là người ở đệ Tam thiền. Hoặc tương ứng với hỷ căn, là người ở Sơ thiền, đệ Nhị thiền, hoặc tương ứng với xả căn, là người ở Vị chí, trung gian, đệ Tứ thiền.

Tương ứng với vô nguyện, đó là khổ vô nguyện. Nên nói là duyên lệ thuộc cõi Sắc, vì duyên với năm ấm cõi Sắc, nên dứt tất cả ái của Vô sắc. Tưởng này nên nói là tương ứng với pháp trí, khổ trí. Nên nói: Hoặc có giác, có quán, là người ở Vị chí, Sơ thiền. Hoặc không giác, có quán là người ở thiền trung gian. Hoặc không giác, không quán, là người ở Tam thiền, ba định Vô sắc. Hoặc tương ứng với lạc căn, ở tại đệ Tam thiền. Hoặc tương ứng với hỷ căn, là người ở Sơ thiền, Nhị thiền. Hoặc tương ứng với xả căn, là người ở Vị chí, trung gian, đệ Tứ thiền, ba định Vô sắc.

Tương ứng với vô nguyện, nghĩa là khổ vô nguyện. Nên nói là duyên lệ thuộc cõi Vô sắc. Vì duyên với bốn Ấm cõi Vô sắc, nên dứt tất cả vô minh, trạo, mạn.

Tưởng này nên nói: Hoặc tương ứng với pháp trí, tương ứng với khổ trí, tương ứng với tỷ trí, còn các trí khác nói rộng như trên.

Hỏi: Tám Thánh đạo đều có công năng dứt hết kiết, vì sao chỉ nói tưởng vô lậu?

Đáp: Thánh đạo ở đây, Đức Thế tôn dùng tưởng để gọi. Đức Thế tôn hoặc nói đạo gọi là tưởng, nói rộng như bốn Vô lượng xứ.

Hỏi: Tưởng vô thường là đối trị bảy sử. Vì sao ở đây lại nói ba thuyết?

Đáp: Vì nếu sử ở ba cõi, là năm thứ dứt. Kiến nghi dù ở ba cõi, nhưng chẳng phải năm thứ dứt. Sử giận dữ dù năm thứ dứt, nhưng không ở ba cõi. Lại nữa, sử này ở ba cõi, cũng là kiến đạo, tu đạo dứt. Kiến nghi tuy ở ba cõi, nhưng chẳng phải tu đạo dứt. Giận dữ tuy là kiến đạo, tu đạo dứt, nhưng không ở ba cõi.

Lại nữa, sử này ở ba cõi là điều mà phàm phu, bậc Thánh đã làm. Kiến nghi dù ở ba cõi, nhưng chẳng phải đối tượng mà bậc Thánh đã làm. Sử giận dữ, dù là việc làm của phàm phu, bậc Thánh, nhưng chẳng phải ở ba cõi.

Hỏi: Vì sao cả ba thuyết đều nói sử ái, còn một thuyết lại nói sử khác?

Đáp: Sử khác, lẽ ra phải nói như sử ái, mà không nói nên biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì muốn dùng đủ mọi cách để trang nghiêm cho văn. Vì

dùng nhiều cách nói trang nghiêm cho văn thì nghĩa sẽ rất dễ hiểu.

Vì muốn biểu hiện hai môn, cho đến nói rộng.

Lại nữa, ái này là điều ác nặng, với nhiều ham muốn lỗi lầm, phải tập trung quán sát những lỗi lầm của nó. Nói rộng như lĩnh vực của bốn đế trên.

Hỏi: Tưởng vô thường là chỗ dứt của kiến khổ, đối trị với sử, vì sao lại nói là dứt tất cả sử ái dục? Cho đến nói rộng.

Đáp: Tất cả có hai thứ. Có tất cả của phần ít và có tất cả của tất cả. Ở đây là nói tất cả của phần ít.

Lại nữa, ở đây nói bậc Thánh dùng tưởng vô thường để dứt trừ tất cả phiền não do tu đạo dứt trong ba cõi.

Kinh khác lại nói: Tu hành rộng khắp tưởng vô thường, có thể dứt trừ ngã mạn.

Hỏi: Tưởng vô thường là đối trị cả bảy mạn, vì sao chỉ nói dứt trừ ngã mạn?

Đáp: Vì tưởng vô thường là đối trị gần của ngã mạn, như nói: Tưởng vô thường có thể sinh khởi tưởng vô ngã. Nếu Tỳ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã, thì sẽ dứt trừ ngã mạn, đối với pháp này sẽ nhanh chóng được dứt hết, hữu lậu.

Như nói: Tỳ-kheo đối với bảy xứ, khéo quán ba thứ nghĩa, có thể đối với pháp này, nhanh chóng dứt hết hữu lậu.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói: Tỳ-kheo đối với bảy xứ khéo..., cho đến nói rộng. Kinh Phật là căn bản để soạn luận. Nay vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu kinh Phật là căn bản để soạn luận, thì vì sao Đức Thế tôn nói kinh ấy?

Đáp: Vì người Hữu học đối với quả Sa-môn trên không tạo ra phương tiện, dù có tạo ra phương tiện vẫn không hiểu biết, do vậy nên Đức Phật mới nói như: Các thầy nhập kiến đạo, không xả phương tiện thì không bao lâu sẽ dứt hết các lậu.

Lại nữa, người đã được đạo, vẫn còn phải lo ở tu đạo để dứt trừ phiền não. Vì muốn nói tu đạo đối trị, sao cho kẻ lạc đường được trở lại đường cũ. Như người mạnh mẽ, vẫn còn phải lo về kẻ thù. Người khác nói rằng: Nay ông là người mạnh mẽ, sao không hàng phục kẻ thù? Tu đạo đối trị kia cũng thế.

Biết như thật về sắc là bốn trí của khổ, đó là pháp trí, tỷ trí, đẳng trí và khổ trí.

Pháp trí biết sắc cõi Dục, tử trí biết sắc cõi Sắc, đẳng trí biết sắc của tất cả. Khổ trí biết sắc hữu lậu, vô thường, khổ, không, vô ngã.

Hỏi: Đây tức là bốn xứ thiện sao?

Đáp: Đây đều quán một đế, quán khổ, quán quả.

Biết như thật về sắc, đó là bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí và tập trí. Pháp trí biết tập cõi Dục. Tử trí biết tập cõi Sắc. Đẳng trí biết tập của tất cả. Tập trí biết sắc hữu lậu, nhân tập mà có duyên.

Hỏi: Đây tức là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đây đều quán một đế, quán tập, quán nhân.

Biết như thật về sắc diệt là bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí và diệt trí. Pháp trí biết sắc diệt cõi Dục. Tử trí biết sắc diệt cõi Sắc. Đẳng trí biết sắc diệt của tất cả. Diệt trí biết diệt, chỉ, diệu, ly của tất cả sắc hữu lậu.

Hỏi: Đây chính là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Ở đây đều quán một đế, quán diệt, quán rốt ráo.

Biết như thật về diệt, đạo của sắc là bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí và đạo trí. Pháp trí biết sắc siệt, đạo cõi Dục. Tử trí biết sắc diệt, đạo cõi Sắc. Đẳng trí biết sắc diệt, đạo của tất cả. Đạo trí biết diệt, đạo, chánh tích, thừa của tất cả hữu lậu.

Hỏi: Đây chính là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đây đều quán một đế, quán đạo, quán đối trị.

Biết như thật vị sắc, đó là bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí, tập trí.

Hỏi: Đây chính là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đây đều là quán một đế, quán tập, quán vị.

Biết như thật về tai họa của sắc, đó là bốn trí: Pháp trí, tử trí, diệt trí và đẳng trí.

Hỏi: Đây chính là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đây chính là quán một đế, quán khổ, quán tai họa.

Biết như thật sắc lìa, đó là bốn trí: Pháp trí, tử trí, diệt trí và đẳng trí.

Hỏi: Đây chính là bốn xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đây chính là quán một đế, quán diệt, quán lìa. Như sắc ấm có bảy xứ thiện, cho đến thức ấm cũng có bảy xứ thiện.

Hỏi: Nếu vậy thì có ba mươi lăm xứ thiện, cũng có Vô lượng xứ thiện phải chăng?

Đáp: Đó là bảy pháp xứ. Như sắc ấm có bảy, cho đến thức ấm cũng có bảy, không hơn bảy, như kinh nói: Tu-đà-hoàn thọ bảy hữu, đây là bảy pháp xứ, không hơn bảy, nói rộng như xứ của bốn đế.

Tôn giả Ba-xa nói: Biết như thật sắc là khổ, cho đến biết như thật sắc là khổ. Biết như thật thức là tập, biết sắc là diệt, biết sắc là diệt, đạo, biết sắc là vị, biết sắc là tai họa, biết sắc là lìa, cho đến biết thức cũng giống như thế. Nếu nói như thế thì có bảy xứ thiện.

Lại nữa, nếu nói tóm tắt thì có bảy xứ thiện. Nếu nói rộng thì có ba mươi lăm xứ thiện, Vô lượng xứ thiện. Như nói lược - rộng, phân biệt - không phân biệt cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu vì người căn cơ nhạy bén mà nói thì có bảy xứ thiện, nếu vì người căn tánh chậm lụt mà nói thì có ba mươi lăm xứ thiện, Vô lượng xứ thiện. Như vậy, căn cơ nhạy bén, căn tánh chậm lụt, sức của nhân, sức của duyên, sức chi trong, sức chi ngoài, sức tư duy bên trong, sức nghe pháp ngoài, nghe thì có thể hiểu, sức phân biệt rộng, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, khi ở kiến đạo thì có bảy, nhưng lúc quán sát thì có ba mươi lăm, Vô lượng xứ thiện.

Lại nữa, như khi Hiền Thánh hành thì có bảy, nhưng thế tục hành thì có ba mươi lăm, Vô lượng xứ thiện.

Lại nữa, nếu tạo ra tướng chung để quán thì có bảy xứ thiện, nếu tạo ra tướng riêng để quán thì có ba mươi lăm, Vô lượng xứ thiện.

Hỏi: Trong đây, vì nói tướng riêng để quán hay nói tướng chung để quán? Nếu nói tướng riêng để quán, thì theo lời văn này nói làm sao hiểu được? Như nói: Hãy nhanh chóng đối với pháp này, sẽ được hết hữu lậu. Nếu nói là tướng chung để quán, thì theo văn này nói làm sao hiểu được? Như nói: Biết như thật về sắc, cho đến biết như thật về thức?

Đáp: Nên nói rằng: Là tướng riêng để quán.

Hỏi: Nếu vậy thì như nói: Nhanh chóng đối với pháp này, sẽ dứt hết hữu lậu, làm sao hiểu được?

Đáp: Ở đây nói tướng riêng để quán, có thể sinh khởi tướng chung để quán. Tướng chung để quán cũng sẽ dứt hết hữu lậu.

Lại có người nói: Trong đây, quán là lấy tướng chung để quán.

Hỏi: Nếu vậy văn này nói làm sao hiểu được? Như nói: Biết như thật về sắc, cho đến biết như thật về thức.

Đáp: Văn ấy nên nói rằng: Biết như thật về ấm là lìa, nỗi lo, vị của khổ, tập, diệt, đạo, mà không nói là có ý gì? Đáp: Không cần phải nói đồng thời với kiến đạo.

Hoặc có thuyết cho là: Đồng thời với kiến đạo.

Hoặc có người nói: Khác thời với kiến đạo. Như Đức Thế tôn vì

bốn vị Thiên vương dùng Thánh ngữ để nói bốn đế, hai người hiểu, hai người không hiểu. Đức Thế tôn lại dùng tiếng nói Đà-tỳ-la để nói bốn đế, một người hiểu, một người không hiểu. Đức Thế tôn lại dùng tiếng nói Di-ly-xa để nói bốn đế, thì họ mới hiểu.

Cũng thế, lúc quán giải thì dùng tướng riêng, khi nhập đạo dùng tướng chung.

Hỏi: Bảy xứ thiện, quán ba thứ nghĩa có gì khác nhau?

Đáp: Bảy xứ thiện là vô lậu, quán ba thứ nghĩa là hữu lậu.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết này nói làm sao hiểu được? Như nói: Biết như thật về sắc là bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí v.v...

Đáp: Trong đây, số trí, hành đối với cảnh giới, không hẳn đều là vô lậu.

Hỏi: Có thể dùng bảy xứ thiện, đồng quán ba thứ nghĩa. Có thể dùng quán ba thứ nghĩa đồng với bảy xứ thiện hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không thể. Vì sao? Vì bảy xứ thiện là vô lậu, còn quán ba thứ nghĩa là hữu lậu.

Lại có người nói: Bảy xứ thiện là hữu lậu, vô lậu, quán ba thứ nghĩa là hữu lậu.

Hỏi: Nếu vậy thì có thể dùng bảy xứ thiện, đồng quán ba thứ nghĩa, dùng quán ba thứ nghĩa đồng với bảy xứ thiện hay không?

Đáp: Có thể. Chỉ cần dụng công nhiều, thường có chỗ tạo tác.

Biết như thật sắc, cho đến biết thức. Biết như thật tai họa của sắc, cho đến biết tai họa của thức, là nói quán ấm. Biết như thật sắc là tập, cho đến biết thức là tập. Biết như thật sắc là vị, cho đến biết thức là vị, là nói quán nhập. Biết như thật sắc là diệt, cho đến biết thức là diệt. Biết như thật sắc là lìa, cho đến biết thức là lìa, là nói quán giới.

Có thể nói tướng đồng như thế, chỉ cần thường dụng công, thường có chỗ tạo tác.

Hỏi: Quán ba thứ nghĩa ở trước, bảy xứ thiện ở sau. Vì sao Đức Thế tôn nói bảy xứ thiện trước sau mới nói quán ba thứ nghĩa?

Đáp: Nếu nói như vậy tức đã nói nghĩa thuận theo thì sẽ dễ hiểu, người thọ cũng dễ dàng.

Lại nữa, những gì Đức Thế tôn đã nói, văn nghĩa đều đầy đủ. Nếu trước nói quán ba thứ nghĩa thì nghĩa tuy đầy đủ nhưng văn chưa đầy đủ. Nhưng Đức Thế tôn nói pháp thì văn nghĩa đầy đủ. Lại nữa, nếu nên nói bảy xứ thiện trước thì nói bảy xứ thiện. Nếu nên nói quán ba thứ nghĩa sau thì sẽ nói quán ba thứ nghĩa sau. Vì sao? Vì quán ba thứ nghĩa, hoặc ở phần đầu của kiến đạo, hoặc ở phần đầu của tu đạo. Trong đây nói

phần đầu ở tu đạo, không nói ở phần đầu của kiến đạo. Cũng như kiến đạo, tu đạo, thì địa kiến, địa tu, vị tri dục tri căn, tri căn cũng giống như thế.

Lại nữa, quán ba thứ nghĩa: Hoặc ở đầu Thánh đạo của sáu địa, hoặc ở đầu Thánh đạo của chín địa. Trong đây, nói ban đầu của chín địa, không nói ban đầu của sáu địa.

Tôn giả Ba-xa nói: Ở đây nói bốn thứ địa, đó là: địa tu hành, địa kiến, địa tu và địa Vô học. Như nói: Tỳ-kheo dùng bảy xứ thiện để quán ba thứ nghĩa là nói về địa tu hành. Biết như thật về sắc là khổ, tập, diệt, đạo, cho đến biết thức là khổ, tập, diệt, đạo, là nói địa kiến. Quán sắc cho đến thức là vị, tai họa, lia, là nói địa tu. Nhanh chóng đối với pháp này, được dứt hết hữu lậu là nói địa Vô học.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao trong kiến đạo lại nói bốn xứ thiện, trong tu đạo nói ba xứ thiện?

Đáp: Do trong kiến đạo chưa từng thấy đế mà thấy. Trong tu đạo đã từng thấy đế mà thấy.

Lại nữa, trong kiến đạo không hề được thấy tánh Thánh mà được, quán hành nơi đế. Trong tu đạo đã từng được tánh Thánh, quán hành nơi đế.

Hỏi: Vì sao trong đây nói lại ba đế, một nói về đạo đế?

Đáp: Trong đây nói rộng về đạo đế. Như nói: Biết như thật sắc là khổ, đấy là đạo đế. Biết như thật sắc là tập, diệt, đạo là vị, là tai họa, là lia, cho đến biết thức cũng giống như thế là đạo đế.

Lại nữa, điều đáng nói ở đây là vì người đã kiến đế, nên Phật nói rằng: Nếu các thầy có thể quán sát như thật về ấm, thì chẳng bao lâu nữa sẽ dứt sạch hết lậu.

Lại nữa, ba đế là pháp hữu biên. Như nói: Năm thủ ấm biên, năm thủ ấm tập biên, năm thủ ấm diệt biên.

Hỏi: Nếu vậy thì nhân luận sinh luận. Vì sao ba đế nói hữu biên, còn đạo đế không nói hữu biên?

Đáp: Vì nghĩa của biên ở đây là nói rộng. Như nói: Kiến đạo biên, đẳng trí xứ.

Lại nữa, có khổ đã sinh, có khổ chưa sinh. Có nhân khổ đã sinh, có nhân khổ chưa sinh. Có khổ diệt đã sinh, có khổ diệt chưa sinh. Các khổ đã sinh, các khổ chưa sinh, nhân khổ đã sinh, nhân khổ chưa sinh, diệt khổ đã sinh, diệt khổ chưa sinh, thì ai có thể biết được, đoạn, chứng? Đó là đạo đế.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn phân biệt rộng về chỗ biết của trí?

Đáp: Vì Đức Phật muốn cho kẻ lạc đường lại biết đường nên nói như thế.

Lại nữa, điều đã nói ở đây về người ái hành, nên Đức Phật nói rằng: Các thầy nên quán vị và lỗi lầm của ấm này. Nếu người nào thấy được vị và lỗi lầm của ấm này thì chẳng bao lâu sẽ dứt hết hữu lậu.

Hỏi: Vì sao trong kiến đạo, trước quán khổ, sau quán tập, còn trong tu đạo, trước quán tập, sau quán khổ?

Đáp: Sự thuận theo có hai thứ:

1. Thuận theo kiến đạo.
2. Thuận theo như đã nói.

Như thuận theo kiến đạo, trước quán khổ, sau quán tập. Thuận theo như đã nói, trước quán tập, sau quán khổ. Thứ lớp của kiến đạo như đã cũng nói giống như thế.

Hỏi: Tập sắc, vị sắc có gì khác nhau?

Đáp: Tên gọi là khác nhau: Đó gọi là tập sắc, đó gọi là vị sắc.

Lại nữa, tập sắc là địa ý, vị sắc thì chung cho sáu thức thân.

Lại nữa, tập là nhiễm ô, không nhiễm ô. Vị là nhiễm ô.

Lại nữa, tập ở ba cõi. Vị ở cõi Dục.

Hỏi: Ấm là có nhiều thứ tập, hay có một thứ tập? Nếu có nhiều thứ tập thì Luận Thi Thiết nói làm sao hiểu được? Như nói: Ái này là nhân khổ, gốc khổ, duyên khổ của quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu một thứ tập thì làm sao hiểu được kinh này? Như nói: Tập hỷ ái là tập sắc, tập xúc là tập ba ấm. Tập danh sắc là tập thức.

Đáp: Nên nói thế này: Có lý do là nhiều thứ tập, có lý do là một thứ tập. Vì nói nhân gần nên là nhiều thứ tập, vì nói nhân xa nên là một thứ tập. Như nhân gần, nhân xa, thân này, thân khác, cũng giống như thế.

Lại nữa, ở đây nói ba thứ tập:

1. Tập phiền não.
2. Tập khổ.
3. Tập nghiệp.

Tập hỷ ái, tập sắc là nói tập phiền não. Tập xúc, tập ba ấm là nói tập khổ. Tập danh sắc, tập thức là nói tập nghiệp. Trong đó nói danh sắc là nghiệp. Như tập phiền não, tập khổ, tập nghiệp, phiền não hữu, khổ hữu, nghiệp hữu, phiền não đạo, khổ đạo, nghiệp đạo. Phiền não nghiệp khổ phải biết cũng giống như thế.

Lại nữa, ở đây nói ba thời gian, đó là thời gian chứa nhóm, thời gian nhận dùng và thời gian gìn giữ. Tập hỷ ái, tập sắc là nói và thời

gian chứa nhóm. Tập xúc, tập ba ấm là nói thời gian thọ dụng. Tập danh sắc, tập thức là nói thời gian gìn giữ.

Lại nữa, ở đây nói hữu của ba thời gian, đó là: Hữu của thời gian trước, trung hữu và sinh hữu. Tập hỷ ái, tập sắc là nói hữu của thời gian trước. Tập xúc, tập ba ấm là nói trung hữu. Tập danh sắc, tập thức là nói sinh hữu.

Lại nữa, tập hỷ ái, tập sắc là nói danh duyên sắc. Tập xúc, tập ba ấm là nói danh duyên danh. Tập danh sắc, tập thức là nói danh sắc duyên danh.

Lại nữa, vì ái tìm kiếm hữu vị lai, nên Phật nói rằng: Tập ái hỷ là tập sắc. Tâm, pháp tâm sở nhân xúc mà sống, từ xúc sinh, vì do năng lực của xúc nên có hiển bày ở trước. Vì vậy Phật nói: Tập xúc là tập ba ấm.

Thức nhân danh sắc mà lập được tăng trưởng rộng, cho nên Phật nói rằng: Tập danh sắc là tập thức.

Hỏi: Sắc diệt, sắc lia có gì khác nhau?

Đáp: Nếu ái tạo nên sắc này, ái đó nếu diệt thì gọi là sắc diệt. Nếu ái duyên với sắc này rồi sinh ra các ái khác, khi ái đó lia thì đó gọi là sắc lia, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao hỏi sắc diệt mà đáp ái diệt?

Đáp: Vì nếu dứt nhân thì quả cũng dứt, nhân nếu diệt thì quả cũng diệt theo. Bỏ nhân, quả cũng bỏ, nếu bày ra nhân, thì cũng bày quả, nếu trừ nhân thì cũng trừ quả.

Hỏi: Vì sao ái đã sinh thì nói diệt, ái chưa sinh lại nói là lia?

Đáp: Vì ái đã sinh không thể tạo ra ái chưa sinh. Đức Phật nói: Chỉ nên diệt ái, ái chưa sinh phải làm cho nó không sinh, chỉ nên lia là như thế.

Có ba thứ suy hao:

1. Đã thọ nhận.
2. Nay thọ nhận.
3. Sẽ thọ nhận.

Đã thọ nhận, nghĩa là thọ nhận rồi. Nay thọ nhận, nghĩa là bằng lòng nhận. Sẽ thọ: Hoặc dùng sức mình, hoặc do sức của bà con thân thuộc, hoặc do sức của vật, làm phương tiện cầu lia. Ái chưa sinh kia cũng giống như thế. Về cách đáp khác, đã nói rộng trong Kiền-độ Tạt. Như sắc diệt, sắc lia, cho đến thức diệt, thức lia, cũng nói giống như thế.

Hỏi: Vì sao trong đây nói ba thuyết về ái mà không nói nghiệp

---

phiền não nào khác?

Đáp: Vì ái là lỗi lầm, trầm trọng, rất khó dứt trừ. Nói rộng như trên.

Trong luận này và Luận Thi Thiết, thường là phân biệt diệt đế. Hỏi: Vì sao trong luận này và Luận Thi Thiết thường phân biệt diệt đế?

Đáp: Lý do diệt này là yếu tố tốt đẹp hơn cả trong pháp hữu vi, vô vi.

\* \* \* \* \*